

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/HSST

Ngày: 28 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mão

Bà Hoàng Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Mai Việt H - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST - HS ngày 15/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tạ Ngọc H, sinh năm 1980 tại Nam Định. Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Số nhà xx, ngõ xxx, đường PTD, phố HP, phường NS, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Tạ Công H và bà Trần Thị L (Đã chết); Vợ: Phạm Thị T, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 09/9/2013 TAND thành phố Ninh Bình xử phạt 8.000.000 đồng về tội Đánh bạc theo bản án số: 121/2013/HSST. Đến ngày 26/9/2019 bị cáo Tạ Ngọc H đã nộp xong tiền án phí và tiền phạt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2022 đến ngày 21/9/2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Phạm Văn B, sinh năm 19xx

Trú tại: Phố ĐP, phường NB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 19xx

Trú tại: Phố PL, phường NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Anh Trần Văn C, sinh năm 19xx

Trú tại: Phố VP, phường TB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Anh Trần Quốc H, sinh năm 19xx

Trú tại: Phố PT, phường NT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Tạ Ngọc H không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh dịch vụ cung cấp cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính. Bị cáo H đã cho những người quen biết có nhu cầu hoặc khó khăn về tài chính vay tiền mà không phải cầm cố thế chấp tài sản gì với mức lãi suất vượt quá nhiều lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến 15/9/2022 bị cáo đã cho anh Phạm Văn B, Phạm Văn T, Trần Văn C và anh Trần Quốc H vay tiền với mức lãi suất cao từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với lãi suất 12% đến 15%/1 tháng (hoặc 144% đến 180%/1 năm). Bị cáo H cho những người này vay tiền với mức lãi suất cao vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 trong Bộ luật dân sự năm 2015, nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

Đối với anh Trần Quốc H:

Từ ngày 25/6/2021 đến ngày 15/9/2022, Tạ Ngọc H đã cho anh Trần Quốc H vay tiền 14 lần với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với 12%/1 tháng, 144%/1 năm. Khi cho vay tiền H không yêu cầu anh H phải viết “Giấy vay tiền”. Theo thỏa thuận các khoản mà anh H đã vay của H được tính lãi theo ngày, khi đến hạn phải trả lãi H sẽ sử dụng tài khoản Zalo “Hung Ta Ngoc” nhắn tin, gọi điện nhắc anh H thanh toán tiền. Trong thời gian vay tiền của H, anh H đã nhiều lần sử dụng các tài khoản ngân hàng Vietinbank số 1058698559xxx, 105819335xxx, tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông số 0161105198755xxx mang tên anh Trần Quốc H và tài khoản ngân hàng Vietinbank số 107869849xxx mang tên Vũ Thị Phương M (vợ anh H) để nhận và chuyển tiền gốc, tiền lãi cho H. Cụ thể các lần Tạ Ngọc H cho anh Trần Quốc H vay tiền như sau:

- Ngày 25/6/2021, H cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 27/6/2021, H cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 29/6/2021, H cho anh H vay số tiền 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 14/7/2021 thì 03 khoản vay nêu trên

của anh H cộng lại với nhau là 120.000.000 đồng và được tính lãi mới bắt đầu từ ngày 14/7/2021. Số tiền vay 120.000.000 đồng này được gọi là “Mã 1”. Ngày 23/7/2021, anh H đã trả cho H số tiền 132.900.000 đồng, bao gồm 120.000.000 đồng tiền gốc của “Mã 1” và số tiền lãi 12.900.000 đồng. Số tiền lãi H đã thu được khi cho anh H vay “Mã 1” là 12.900.000 đồng, số tiền 20% H được hưởng theo quy định là 1.775.342 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 11.124.658 đồng.

- Ngày 27/7/2021, H cho anh H vay số tiền 70.000.000 đồng, số tiền vay 70.000.000 đồng này được gọi là “Mã 2”. Ngày 29/7/2021, H cho anh H vay số tiền 80.000.000, số tiền vay này gọi là “Mã 3”. Ngày 06/8/2021, H cho anh H vay số tiền 20.000.000, số tiền vay này gọi là “Mã 4”. Tổng số tiền gốc của “Mã 2, 3, 4” là 170.000.000 đồng. Ngày 11/8/2021 anh H đã chuyển khoản cho H số tiền lãi 6.560.000 đồng. Ngày 20/8/2021, H qua nhà anh H chơi, sau đó anh H đã trả cho H số tiền gốc và lãi của “Mã 3”, “Mã 4” và trả tiền lãi của “Mã 2” với tổng số tiền 109.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng tiền gốc “Mã 2” bắt đầu tính lãi mới từ ngày 20/8/2021. Như vậy, đến ngày 20/8/2022 số tiền lãi H đã thu được khi cho anh H vay “Mã 2”, “Mã 3” và “Mã 4” là 15.560.000 đồng, số tiền 20% H được hưởng theo quy định là 2.131.507 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 13.428.493 đồng.

- Ngày 27/8/2021, H cho anh H có vay số tiền 50.000.000 đồng, số tiền vay này được gọi là “Mã 5”. Đến ngày 30/8/2021 tổng số tiền gốc của “Mã 2” và “Mã 5” cộng lại là 120.000.000 đồng được gọi là “Mã 2 + 5”, số tiền lãi của 02 mã này là 3.600.000 đồng. Ngày 18/9/2021 anh H chuyển khoản trả H 3.000.000 đồng, ngày 29/9/2021 chuyển khoản 5.000.000 đồng, ngày 25/10/2021 chuyển khoản 5.000.000 đồng là tiền lãi của “Mã 2+5”. Ngày 27/10/2021 anh H đã chuyển khoản trả cho H số tiền 137.900.000 đồng bao gồm 120.000.000 đồng tiền gốc và 17.900.000 đồng tiền lãi của “Mã 2+5”. Như vậy, đến ngày 27/10/2021 số tiền lãi H đã thu được khi cho anh H vay “Mã 2” và “Mã 5” là 30.900.000 đồng, số tiền 20% H được hưởng theo quy định là 4.345.205 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 26.554.795 đồng.

- Ngày 19/11/2021, H cho anh H vay số tiền 60.000.000 đồng, số tiền vay này gọi là “Mã 6”. Ngày 21/11/2021, H cho anh H vay số tiền 40.000.000 đồng, số tiền vay này gọi là “Mã 7”. Ngày 01/12/2021, H cho anh H vay số tiền 30.000.000 đồng, số tiền vay này gọi là “Mã 8”. Đến ngày 10/12/2021, tổng tiền lãi của cả 03 Mã nêu trên là 9.680.000 đồng. Ngày 11/12/2021, anh H đã chuyển khoản trả cho H số tiền lãi 9.680.000 đồng. Số tiền gốc của “Mã 6” “Mã 7” và “Mã 8” là 130.000.000 đồng, được gọi là “Mã 6+7+8” và bắt đầu tính lãi mới từ ngày 10/12/2021. Ngày 10/01/2022 anh H chuyển khoản cho H 5.000.000 đồng, ngày

30/01/2022 chuyển khoản 20.000.000 đồng, ngày 08/3/2022 chuyển khoản 5.000.000 đồng là tiền lãi của “Mã 6+7+8”. Ngày 10/3/2022 anh H đã chuyển khoản trả cho H 100.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 10/3/2022 anh H còn nợ H 30.000.000 đồng tiền gốc và 5.700.000 đồng tiền lãi chuyển sang tính mã mới gọi là “Mã 9”. Như vậy, đến ngày 10/3/2022 số tiền lãi H đã thu được khi cho anh H vay “Mã 6”, “Mã 7” và “Mã 8” là 49.680.000 đồng, số tiền 20% H được hưởng theo quy định là 7.736.986 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 41.943.014 đồng.

- Ngày 26/3/2022, H cho anh H vay số tiền 15.000.000 đồng, số tiền vay này gọi là “Mã 10”. Ngày 24/4/2022 anh H chuyển khoản cho H 5.000.000 đồng tiền lãi của “Mã 9”. Ngày 27/4/2022 anh H chuyển khoản trả H 45.000.000 đồng tiền gốc của “Mã 9” và “Mã 10” còn nợ 7.780.000 đồng tiền lãi. Ngày 18/5/2022 anh H tiếp tục chuyển khoản trả H 3.000.000 đồng nên số tiền lãi còn nợ lại là 4.780.000 đồng chuyển sang tính cùng mã vay tiền mới. Như vậy, đến ngày 27/4/2022 số tiền lãi H đã thu được khi cho anh H vay “Mã 9” và “Mã 10” là 8.000.000 đồng, số tiền 20% H được hưởng theo quy định là 1.052.055 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 6.947.945 đồng.

- Ngày 03/5/2022, H cho anh H vay số tiền 70.000.000 đồng, số tiền này gọi là “Mã 11”. Ngày 09/6/2022 anh H chuyển khoản trả cho H 5.000.000 đồng, ngày 23/6/2022 tiếp tục chuyển 5.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 03/5/2022 đến ngày 15/9/2022 số tiền lãi mà anh Trần Quốc H phải trả cho Tạ Ngọc H khi vay “Mã 11” là 38.080.000 đồng và 4.780.000 đồng tiền lãi của “Mã 9”, “Mã 10”. Anh H đã trả cho Tạ Ngọc H số tiền lãi là 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 32.860.000 đồng và vẫn đang nợ số tiền gốc 70.000.000 đồng. Số tiền lãi 20% H được hưởng theo quy định của pháp luật là 5.216.438 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 37.643.562 đồng.

Như vậy từ ngày 25/6/2021 đến ngày 15/9/2022, Tạ Ngọc H đã cho anh Trần Quốc H 14 lần vay tiền lãi suất cao với tổng số tiền cho vay là 555.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H thu của anh H là 159.900.000 đồng. Số tiền lãi H được hưởng theo quy định của pháp luật là 22.257.533 đồng. Số tiền thu lợi bất chính H phải chịu trách nhiệm khi cho anh Trần Quốc H vay tiền là 137.642.467 đồng.

Đối với anh Phạm Văn T:

Ngày 07/01/2022, tại cửa hàng kinh doanh sơn của H ở phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, Tạ Ngọc H cho anh Phạm Văn T vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với 15%/1 tháng, 180%/1 năm. Thời gian vay theo thỏa thuận là 03 tháng, khi cho anh T vay tiền H yêu cầu anh T viết “Giấy vay tiền” để H giữ lại làm căn cứ. Mỗi tháng anh T phải trả cho H

1.500.000 đồng tiền lãi (có thể trả tiền lãi chậm vài ngày theo thỏa thuận). Hết thời gian vay 03 tháng anh T vẫn chưa trả được tiền gốc đã vay cho H nên vẫn phải trả tiền lãi hàng tháng. Vào các ngày 31/01/2022 anh T chuyển khoản tiền lãi 1.000.000 đồng, ngày 28/02/2022 chuyển khoản tiền lãi 750.000 đồng, ngày 02/3/2022 chuyển khoản tiền lãi 750.000 đồng, ngày 29/3/2022 chuyển khoản tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 06/5/2022 chuyển khoản tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 07/5/2022 chuyển khoản tiền lãi 1.000.000 đồng, ngày 29/5/2022 chuyển khoản tiền lãi 2.500.000 đồng, ngày 14/8/2022 chuyển khoản tiền lãi 1.000.000 đồng. Tổng cộng anh Phạm Văn T đã có 08 lần sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 0987535535 chuyển khoản số tiền lãi với tổng số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 106002907706 của Tạ Ngọc H. Ngày 31/01/2022 sau khi chuyển khoản cho H 1.000.000 đồng, anh T đưa 500.000 đồng tiền mặt cho H. Từ ngày 07/01/2022 đến ngày 15/9/2022 số tiền lãi mà anh Phạm Văn T phải trả cho Tạ Ngọc H là 12.400.000 đồng, anh T đã trả cho Tạ Ngọc H số tiền lãi là 10.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.900.000 đồng và vẫn đang nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi 20% H được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.358.904 đồng. Như vậy số tiền H thu lợi bất chính khi cho anh Phạm Văn T vay tiền là 11.041.096 đồng.

Như vậy từ ngày 07/01/2022 đến ngày 15/9/2022, Tạ Ngọc H đã cho Phạm Văn T vay tiền lãi suất cao với tổng số tiền cho vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H thu của anh T là 12.400.000 đồng. Số tiền lãi H được hưởng theo quy định của pháp luật là 1.358.904 đồng. Số tiền thu lợi bất chính H phải chịu trách nhiệm khi cho anh Phạm Văn T vay tiền là 11.041.096 đồng.

Đối với anh Phạm Văn B:

Ngày 15/6/2022, tại cửa hàng kinh doanh sơn Nanoshi, số xxx, đường NCT, phường BD, thành phố NB, Tạ Ngọc H cho anh Phạm Văn B vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với 15%/1 tháng, 180%/1 năm. Thời gian vay theo thỏa thuận là 05 tháng, khi cho anh B vay tiền H yêu cầu anh B viết “Giấy vay tiền” để H giữ lại làm căn cứ. Mỗi tháng anh B phải trả cho H số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi chia làm hai lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, mỗi lần trả số tiền 1.500.000 đồng (có thể trả tiền lãi chậm vài ngày theo thỏa thuận). Vào các ngày 03/7/2022, 16/7/2022, 02/8/2022, 03/9/2022 anh Phạm Văn B đã có 04 lần sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 0825823515 chuyển khoản số tiền lãi mỗi lần là 1.500.000, tổng số tiền lãi 6.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 106002907706 của Tạ Ngọc H. Ngày 18/8/2022 anh B đến cửa hàng của H để trả 1.000.000 đồng tiền lãi, nợ lại 500.000 đồng. Ngày 15/9/2022 anh B tiếp tục đến cửa hàng bán sơn của H để trả số tiền 1.500.000

đồng tiền lãi. Từ ngày 15/6/2022 đến ngày 15/9/2022 anh Phạm Văn B đã trả cho Tạ Ngọc H số tiền lãi là 8.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 500.000 đồng và vẫn đang nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Như vậy từ ngày 15/6/2022 đến ngày 15/9/2022 Tạ Ngọc H đã cho anh Phạm Văn B vay tiền lãi suất cao với tổng số tiền cho vay là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H thu của anh B là 8.500.000 đồng. Số tiền lãi H được hưởng theo quy định của pháp luật là 986.301 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Tạ Ngọc H phải chịu trách nhiệm khi cho anh Phạm Văn B vay tiền là 8.013.699 đồng.

Đối với anh Trần Văn C:

Ngày 26/6/2022 cũng tại cửa hàng kinh doanh sơn của H, H cho anh Trần Văn C vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với 15%/1 tháng, 180%/1 năm. Thời gian vay theo thỏa thuận là 02 tháng, khi cho anh C vay tiền H yêu cầu anh C viết “Giấy vay tiền” để H giữ lại làm căn cứ. Mỗi tháng anh C phải trả cho H 1.500.000 đồng tiền lãi. Vào các ngày 25/7/2022 anh C đã chuyển khoản tiền lãi 1.500.000 đồng, ngày 25/8/2022 anh C chuyển khoản tiền gốc 8.000.000 đồng và ngày 31/8/2022 anh C đã chuyển khoản tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng và tiền lãi 1.500.000 đồng. Như vậy anh Trần Văn C đã có 03 lần sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 2320123567888 chuyển khoản số tiền lãi 3.000.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 106002907706 của Tạ Ngọc H. Số tiền lãi mà H đã thu khi cho anh C vay tiền là 3.000.000 đồng, số tiền lãi 20% H được hưởng theo quy định của pháp luật là 328.767 đồng. Như vậy số tiền H thu lợi bất chính khi cho anh Trần Văn C vay tiền là 2.671.233 đồng.

Như vậy từ ngày 26/6/2022 đến ngày 31/8/2022, Tạ Ngọc H đã cho anh Trần Văn C vay tiền lãi suất cao với tổng số tiền cho vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H thu của anh C là 3.000.000 đồng. Số tiền lãi H được hưởng theo quy định của pháp luật là 328.767 đồng. Số tiền thu lợi bất chính H phải chịu trách nhiệm khi cho anh Trần Văn C vay tiền là 2.671.233 đồng. Anh C đã trả đủ cho H số tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 15/9/2022, tổ công tác Công an thành phố Ninh Bình kiểm tra cơ bản, nắm tình hình hoạt động kinh doanh cơ các cơ sở, công ty trên địa bàn thành phố Ninh Bình. Kiểm tra tại cửa hàng kinh doanh “Nhà phân phối Đức Anh” địa chỉ số xxx, đường NCT, phường BD, thành phố NB của Tạ Ngọc H thì có anh Phạm Văn B đến cửa hàng bán sơn của Tạ Ngọc H để trả 1.500.000 đồng tiền lãi thì gặp tổ công tác của Công an thành phố Ninh Bình đang làm nhiệm vụ tại đây, thấy tổ công tác anh B đã trình bày việc vay tiền của Tạ Ngọc H. Quá trình làm việc Tạ Ngọc H đã khai nhận hành vi cho anh Phạm Văn B vay số tiền 20.000.000 đồng

với lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng /1 ngày đồng thời H tự giác giao nộp cho tổ công tác 03 tờ giấy A4 có nội dung giấy vay tiền do Phạm Văn B, Phạm Văn T, Trần Văn C viết, giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra, số IMEI 1: 352682500559199, số IMEI 2: 3596462005591190 lắp số sim 0943.728.xxx; Số tiền 1.500.000 đồng mà Bình trả lãi cho Tạ Ngọc H ngày 15/9/2022. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc và yêu cầu Tạ Ngọc H và người liên quan về Công an thành phố Ninh Bình để làm rõ nội dung sự việc. Quá trình làm việc H đã viết đơn xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình với Cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình.

Tại bản Cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 30/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã truy tố bị cáo Tạ Ngọc H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Ngọc H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2, khoản 3 điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Ngọc H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo Tạ Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Tạ Ngọc H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường NS trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra, số IMEI 1: 352682500559199, số IMEI 2: 3596462005591190 lắp số sim 0943.728.xxx thu giữ của Tạ Ngọc H;

- Truy thu số tiền 519.931.505 đồng của Tạ Ngọc H để sung ngân sách nhà nước. Đồng thời Tạ Ngọc H phải trả cho Trần Quốc H số tiền là 104.782.467 đồng; Phạm Văn T số tiền là 9.141.096 đồng; Phạm Văn B số tiền là 7.513.699 đồng; Trần Văn C số tiền là 2.671.233 đồng.

- Truy thu của Trần Quốc H số tiền 70.000.000 đồng (tiền gốc H còn đang nợ của H); của Phạm Văn T số tiền 10.000.000 (tiền gốc T còn đang nợ của H); của Phạm Văn B số tiền 20.000.000 đồng (Tiền gốc B còn đang nợ của H) để sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 31/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tạ Ngọc H không có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đơn đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng đã thu giữ. Như vậy hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến ngày 15/9/2022 bị cáo Tạ Ngọc H đã cho anh Phạm Văn B, Phạm Văn T, Trần Văn C và Trần Quốc H nhiều lần vay tiền với mức lãi suất cao từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày, tương đương với lãi suất 12% đến 15%/1 tháng (hoặc 144% đến 180%/1 năm). Bị cáo H cho những người nêu trên vay tiền với mức lãi xuất cao vượt quá 5 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định tại Điều 468 trong Bộ luật dân sự năm 2015 với tổng số tiền là 595.000.000, thu lời bất chính số tiền 159.368.495 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý tài chính. Mức lãi suất bị cáo cho vay cao gấp 5 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố bị cáo theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện nộp lại 5.000.000 đồng; Bởi bị cáo có công được Nhà nước tặng thưởng huân chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, mặc dù biết người khác đang gặp khó khăn về kinh tế nhưng muốn thu lời bất chính nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo H tự cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền cũng đủ răn đe, phòng ngừa. Việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm thu lời bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc 595.000.000 đồng mà bị cáo cho những người liên quan vay là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên trong số tiền gốc anh Trần Quốc H còn nợ bị cáo 70.000.000 đồng, anh Phạm Văn T nợ bị cáo 10.000.000 đồng, anh Phạm Văn B nợ bị cáo 20.000.000 đồng. Nên tịch thu của bị cáo số tiền gốc là 495.000.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng bị cáo giao nộp cho cơ quan điều tra cần trừ vào tiền tịch thu khoản tiền gốc (495.000.000 đồng – 5.000.000 đồng). Số tiền gốc tịch thu còn lại là: 490.000.000 đồng. Đồng thời tịch thu của anh Trần Quốc H 70.000.000 đồng, anh Phạm Văn T 10.000.000 đồng, anh Phạm Văn B 20.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 24.931.505 đồng là số tiền lãi trong phạm vi quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự của tất cả các giao dịch là lãi suất được pháp luật thừa nhận, nhưng đây là tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Tạ Ngọc H là số tiền lãi mà anh B trả lãi cho bị cáo nên cần trừ vào số tiền tịch thu khoản tiền lãi của bị cáo

(24.931.505 đồng – 1.500.000 đồng). Số tiền lãi tịch thu còn lại là 23.431.505 đồng.

Đối với tổng số tiền 159.368.495 đồng là số tiền bị cáo H thu lời bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thông qua tất cả các lần vay. Số tiền này cần buộc bị cáo phải trả lại cho tất cả những người đi vay, cụ thể: Trả lại cho anh Trần Quốc H số tiền: 137.642.467 đồng (Anh H còn nợ lại bị cáo 32.860.000 đồng tiền lãi), sau khi đối trừ bị cáo H phải trả cho anh Trần Quốc H số tiền thu lời bất chính thực tế bị cáo đã thu của anh H là 104.782.467 đồng; anh Phạm Văn T số tiền: 11.041.069 đồng (Anh T còn nợ lại số tiền lãi 1.900.000 đồng), sau khi đối trừ đi bị cáo H phải trả lại cho anh T số tiền thu lời bất chính thực tế bị cáo đã thu của anh T là: 9.141.096 đồng; anh Phạm Văn B số tiền: 8.013.699 đồng (Anh B còn nợ lại bị cáo số tiền lãi 500.000 đồng), sau khi đối trừ bị cáo H phải trả lại cho anh B số tiền thu lời bất chính thực tế bị cáo đã thu của anh B là 7.513.699 đồng và trả cho anh anh Trần Văn C số tiền thu lời bất chính thực tế bị cáo đã thu của anh C: 2.671.233 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 03 tờ giấy A4 (Trần Văn C viết ngày 26/6/2022, Phạm Văn T viết ngày 07/01/2022, Phạm Văn B viết ngày 15/6/2022) đều có nội dung là vay tiền của bị cáo H. Đây là chứng cứ phạm tội của bị cáo, do vậy cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra, số IMEI 1: 352682500559199, số IMEI 2: 3596462005591190 lắp số sim 0943.728.886 là điện thoại bị cáo H sử dụng để liên lạc đòi nợ và giao dịch chuyển tiền vay và nhận lãi qua ứng dụng ngân hàng, xác định đây là công cụ phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Ngọc H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Tạ Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Tạ Ngọc H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường NS trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Tạ Ngọc H số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng).

2. Biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo H số tiền gốc 495.000.000^d (Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng), được trừ 5.000.000^d (Năm triệu đồng) đã nộp tại cơ quan điều tra và số tiền lãi 24.931.505^d (Hai mươi bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh năm đồng), được trừ 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo. Tổng số tiền bị cáo Tạ Ngọc H phải nộp để sung quỹ Nhà nước là: 513.431.505^d (Năm trăm mười ba triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, năm trăm linh năm đồng).

Số tiền 5.000.000 đồng và 1.500.000 đồng hiện đang quản lý tại tài khoản 3949 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20 tháng 12 năm 2022.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với anh Trần Quốc H số tiền 70.000.000^d (bảy mươi triệu đồng); anh Phạm Văn T số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng); anh Phạm Văn B số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Tạ Ngọc H phải trả cho anh Trần Quốc H số tiền: 104.782.467^d (Một trăm linh bốn triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng); anh Phạm Văn T số tiền: 9.141.096^d (Chín triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng); anh Phạm Văn B số tiền: 7.513.699^d (Bảy triệu, năm trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); anh Trần Văn C số tiền: 2.671.233^d (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra, số IMEI 1: 352682500559199, số IMEI 2: 3596462005591190 lắp số sim 0943.728.886 thu giữ của bị cáo H.

Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tạ Ngọc H phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDtỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNDTP Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; Người liên quan;
- THA hình sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết